TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-PT
Ngày: 21-6-2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 63/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Kinh doanh thương mại số 461/TB-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019 và số 524/TB-PT ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ: số 25 đường THD, phường PCT, Quận HK, Thành phố HN.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Lê VT, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

- Ông Vũ Đình K, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-A ngày 20/4/2018).

- Ông Lê Đức T1, ông Đinh Văn T2, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 9051/2018/UQ-A ngày 12/7/2018); ông Tuấn có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị TN, sinh năm: 1967 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân B; cư trú tại thôn 6, xã LA, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huy T3, sinh năm: 1962; cư trú tại số 79, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 571, quyển số 04/SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng Vạn Tin chứng thực ngày 23/6/2018), có mặt.

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1966; cư trú tại thôn 6, xã LA, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị TN – Chủ Doanh nghiệp tư nhân B - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/4/2014, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần A(gọi tắt là A) thì:

Ngày 18/6/2010 Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh X ký Hợp đồng tín dụng số 1035.10/HĐTD-TDH với nội dung cho Doanh nghiệp tư nhân B do bà Nguyễn Thị TN là chủ doanh nghiệp và ông Phạm Văn H vay số tiền 2.000.000.000đ, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 17%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, thời hạn vay là 120 tháng, hình thức trả gốc và trả lãi theo kỳ hạn (trả gốc 16.700.000đ/tháng, kỳ cuối cùng 12.000.000đ), trả lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn kinh doanh.Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên là: Lô đất có diện tích 3.570m² thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 60 và lô đất có diện tích 1.475,8m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60 ở tại địa chỉ xã GR, huyện Y tỉnh Lâm Đồng đứng tên bà Nguyễn Thị TN.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, tính đến ngày 07/02/2013 bà TN đã thanh toán cho A số tiền gốc 890.841.320đ, trong đó ngày 07/02/2013 Công ty HQ trả thay bà TN số tiền 740.541.320đ nợ gốc. Sau ngày 07/02/2013 bà TN không trả nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A. Sau thời điểm khoản vay bị quá hạn, A đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà TN trả nợ, mặc dù có rất nhiều cam kết trả nợ với A nhưng bà TN vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 07/02/2013 bà TN còn nợ A tiền gốc 1.109.158.608đ và tính đến ngày 22/11/2018 bà TN còn nợ lãi trong hạn: 700.996.725đ, lãi quá hạn: 1.735.072.130đ; tổng cộng tiền lãi còn nợ là 2.436.068.855đ.

Nay A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị TN và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho A tiền gốc là 1.109.158.680đ, lãi trong hạn:

700.996.725đ, lãi quá hạn: 1.735.072.130đ. Tổng cộng gốc và lãi là 3.545.227.535đ.

Bà Nguyễn Thị TN thừa nhận có việc giao kết Hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện Hợp đồng, đến năm 2012 do Doanh nghiệp không có khả năng thanh toán nên đã giao tài sản thế chấp để A xử lý nợ. Nay A có đơn khởi kiện yêu cầu bà có nghĩa vụ trả cho A tổng cộng gốc và lãi là 3.545.227.535đ, trong đó tiền gốc là 1.109.158.680đ, lãi trong hạn là 700.996.725đ, lãi quá hạn là 1.735.027.130đ thì bà không đồng ý bởi vì vào năm 2012 cả hai bên đã chốt nợ số tiền còn nợ nói trên đồng thời phía Ngân hàng đã buộc bà bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý nợ. Do vậy, bà chỉ đồng ý trả cho A số tiền cả gốc và lãi là 1.109.158.680đ với lý do: từ năm 2012 cho đến nay sức khỏe bà không được tốt nên không sản xuất kinh doanh được chỉ lo chữa trị bệnh, đề nghị Ngân hàng cho bà thời gian đến hết ngày 31/12/2018 gia đình bà sẽ sắp xếp trả số tiền 1.109.158.160đ cho A.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Văn H thì vào năm 2012 ông bán công trình du lịch HQ tại thành phố PT, tỉnh BT để trả nợ cho A - Chi nhánh X với số tiền 1.200.000.000đ, trong đó tiền gốc là 800.000.000đ cộng với tiền gốc của bà TN 400.000.000đ. Đồng thời ông cũng chấm dứt hợp đồng cho vay số 1035.10/HĐTD-TDH, tất toán hết khoản vay chung với bà TN, đến nay ông không còn nghĩa vụ gì với Ngân hàng. Còn phần bà TN (vợ ông) tại thời điểm 2012, A đã buộc bàn giao đất cho A để bán và các bên đã thống nhất chốt tiền gốc và lãi là 1.109.158.680đ; bà TN cũng đã bàn giao cho Ngân hàng A là 02 lô đất tại xã GR, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 02/2018/KDTM-ST ngày 27/11/2018; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 1.109.158.680đ, lãi trong hạn :700.996.725đ, lãi quá hạn 1.735.072.130đ, tổng cộng gốc và lãi là 3.545.227.535đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H còn phải tiếp chịu khoản tiền của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1035.10/HĐTD-TDH ngày 18/6/2010. Tiếp tục duy trì Hợp đồng số 1035.10/HĐTD-TDH ngày 18/6/2010 cho đến khi bà Nguyễn

Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H thanh toán xong các nghĩa vụ cho Ngân hàng A.

Trường hợp bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì toàn bộ các tài sản thế chấp sẽ được phát mãi theo quy định của pháp luật để trả nợ cho ngân hàng bao gồm:

Lô đất có diện tích 3.570m²: thửa đất số 66: tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại xã GR, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng và lô đất có diện tích 1.475,8m², thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại xã GR, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị TN đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 786025 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:BA 786024 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/3/2010.

Trong trường hợp việc phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho đến khi trả xong.

Sau khi bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H hoàn thành việc trả nợ, thì Ngân hàng A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị TN là chủ Doanh nghiệp tư nhân B và ông Phạm Văn H các giấy tờ thế chấp tài sản.

Ngày 14/12/2018 bà TN kháng cáo không đồng ý thanh toán số tiền gốc và lãi là 3.535.227.535đ, chỉ đồng ý thanh toán số tiền gốc hai bên đã chốt vào năm 2012 là 1.109.158.680đ.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo. Đại diện nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh X và Doanh nghiệp tư nhân B do bà Nguyễn Thị TN làm chủ Doanh nghiệp có ký giao kết Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 1035.10/HĐTD-TDH vào ngày 18/6/2010 theo đó Ngân hàng cho bà TN vay số tiền 2.000.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp

đồng, do bà TN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên A yêu cầu bà TN phải trả tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/11/2018 là 3.545.227.535đ. Bị đơn chỉ đồng ý trả 1.109.158.680đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng theo thủ tục chung.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế; theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 1035.10/HĐTD-TDH ngày 18/6/2010 thì A – Chi nhánh X cho Doanh nghiệp tư nhân B do bà Nguyễn Thị TN là chủ doanh nghiệp và ông Phạm Văn H vay số tiền 2.000.000.000đ, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 17%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 120 tháng, hình thức trả gốc và trả lãi theo kỳ hạn (trả gốc 16.700.000đ/tháng, kỳ cuối cùng 12.000.000đ), trả lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên là các lô đất có diện tích 3.570m² thuộc thửa đất số 66 và diện tích 1.475,8m², tất cả thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại xã GR, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA789024 và BA786025 ngày 11/3/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị TN theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1035.10/HĐTC-QSDĐ-1 ngày 14/6/2016; việc thế chấp được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và đăng ký biến động theo quy định của pháp luật.

[4] Theo hồ sơ thể hiện thì quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, bà TN chỉ mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 890.841.320đ vào ngày 07/02/2013 nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay A khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi đồng thời yêu cầu duy trì biện pháp thể chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ là có căn cứ.

[5] Tuy nhiên tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn cung cấp chứng cứ là bản gốc *"Hợp đồng cho thuê đất vườn cà phê"* số 01/HĐKT ngày 01/4/2010 giữa bà Nguyễn Thị TN với ông Lê TB; cư trú tại quốc lộ 20, thôn 7, xã LA, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Theo hợp đồng nói trên thì bà TN cho ông TB thuê diện tích đất 3.570m^2 thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 60 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA786025 và diện tích đất số 1.475,8m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA786024 tại xã GR, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng đứng

tên bà Nguyễn Thị TN với thời hạn cho thuê là 46 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng với giá cho thuê là 30.000.000đ/năm; đây chính là tài sản mà bà TN dùng thế chấp để vay khoản tiền nói trên. Theo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày sau khi cho ông TB thuê đất trên đã tiến hành xây nhà xưởng, đầu tư sản xuất trên diện tích đất được thuê đồng thời hiện nay ông TB vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này.

[6] Lẽ ra khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm phải tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp để kiểm tra hiện trạng tài sản khi thế chấp so với thời điểm giải quyết vụ án có sự thay đổi gì không, có sự thay đổi về người chiếm hữu, sử dụng không, có sự biến động gì không nhưng cấp sơ thẩm lại không thực hiện là có thiếu sót.

[7] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng lập ngày 14/6/2019 thì vào năm 2015 bà TN đã chuyển nhượng một phần diện tích đất 6m x 28m nằm trong tổng diện tích hai lô đất nói trên cho vợ chồng ông Bùi VQ, bà Bùi Thị QN với số tiền 200.000.000đ. Các bên đã lập *"Giấy thỏa thuận sang nhượng đất"* ghi ngày 01/9/2015, có xác nhận của Ban nhân dân thôn Hàng Hải và của Ủy ban nhân dân xã GR, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng. Theo vợ chồng ông VQ, bà QN thì vợ chồng ông, bà đã thanh toán đủ tiền, nhận đất từ bà TN và sử dụng ổn định cho đến nay.

Mặt khác trên diện tích đất mà phía bị đơn thế chấp tại A hiện nay có 01 căn nhà xây cấp 4 tường gạch, mái lợp tôn, nên xi măng do vợ chồng ông VQ, bà QN đang sử dụng. Đồng thời ông TB là người thuê đất của bà TN trình bày hiện nay ông vẫn đang quản lý, sử dụng diện tích đất thuê theo *"Hợp đồng cho thuê đất vườn cà phê"* số 01/HĐKT ghi ngày 01/4/2010. Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm thì cả vợ chồng ông VQ, bà QN và ông TB đều không biết việc Tòa án đang giải quyết tranh chấp giữa A với bà TN, ông Hoàng; nay đề nghị được tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông TB, vợ chồng ông VQ, bà QN cũng như giải quyết triệt để vụ án cần phải đưa ông TB, vợ chồng ông VQ, bà QN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[8] Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa xác minh, thực hiện các biện pháp thu thập chứng cứ đầy đủ, đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án để giải quyết lại nên chưa xem xét đến kháng cáo của bà TN.

[9] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm là 2.350.000đ (A đã tạm ứng và quyết toán xong) sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[10] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên bà TN không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Avà bà Nguyễn Thị TN – Chủ Doanh nghiệp tư nhân B, ông Phạm Văn H.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị TN được nhận lại số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012780 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng (ông H nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch